

UBND HUYỆN CỬ CHÌ
TRƯỜNG MN THỊ TRẦN CỬ CHÌ 3

THÔNG KÊ TÌNH HÌNH HỌC SINH 2021-2022

III.	Trẻ em	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số			
				Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	
						Tổng	Nữ
	A	B	C	1	2	3	4
3.1.	Quy mô trẻ	người	87	374	178	2	1
3.1.1.	Trẻ em nhà trẻ	người	88	43	17		
	Chia ra theo vùng:						
	- Trung du, đồng bằng, thành phố	người	89	43	17		
	- Miền núi, vùng sâu, hải đảo	người	90				
	Trong đó						
	- Học 2 buổi/ngày	người	91	28	10		
	- Bán trú (có tổ chức ăn trưa)	người	92	28	10		
	- Khuyết tật học hòa nhập	người	93				
	- Học trong nhóm trẻ độc lập	người	94				
3.1.2.	Trẻ em mẫu giáo	người	95	331	161	2	1
	Chia ra theo vùng:						
	- Trung du, đồng bằng, thành phố	người	96	331	161	2	1
	- Miền núi, vùng sâu, hải đảo	người	97				
	Trong đó						
	- Học 2 buổi/ngày	người	98	48	26		
	- Bán trú (có tổ chức ăn trưa)	người	99	48	26		
	- Khuyết tật học hòa nhập	người	100				
	- Học trong lớp mẫu giáo độc lập	người	101				
	- Học trong lớp mẫu giáo 5 tuổi	người	102	135	69	2	1
3.2.	Quy mô trẻ chia theo độ tuổi			374	178	2	1
3.2.1.	Trẻ em nhà trẻ	người	103	43	17		
	- Trẻ từ 3 đến 12 tháng	người	104				
	- Trẻ từ 13 đến 24 tháng	người	105	11	8		
	- Trẻ từ 25 đến 36 tháng	người	106	32	9		
	- Trẻ trên 36 tháng	người	107				
3.2.2.	Trẻ em mẫu giáo	người	108	331	161	2	1
	- Trẻ dưới 3 tuổi	người	109	35	18		
	- Trẻ từ 3 đến 4 tuổi	người	110	102	43		
	- Trẻ từ 4 đến 5 tuổi	người	111	100	50		
	- Trẻ từ 5 đến 6 tuổi	người	112	94	50	2	1
	- Trẻ trên 6 tuổi	người	113				
3.3.	Tình trạng dinh dưỡng trẻ em			374	178	2	1
3.3.1.	Trẻ em nhà trẻ được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng	người	114	9	4		
	Trong đó:						
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	người	115				
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	người	116				
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể còi cọc	người	117				
	- Trẻ thừa cân, béo phì	người	118				

3.3.2.	Trẻ em mẫu giáo được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng	người	119	279	132	2	1
	Trong đó:						
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	người	120				
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	người	121				
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể còi cọc	người	122				
	- Trẻ thừa cân, béo phì	người	123				
3.4.	Trẻ em thuộc đối tượng chính sách						
3.4.1	Trẻ em mẫu giáo được miễn học phí	người	124				
3.4.2	Trẻ em mẫu giáo được giảm học phí	người	125				
3.4.3	Trẻ em mẫu giáo hỗ trợ chi phí học tập	người	126				
3.4.4	- Trẻ em dân tộc thiểu số rất ít người được hỗ trợ học tập	người	127				
3.4.5	Trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa	người	128				
3.4.6	Trẻ em học lớp mẫu giáo 5 tuổi được miễn học phí	người	129				

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Hồng Thủy